

Chùa cổ Trấn Quốc – Hà Nội

Giống như một hòn đảo xanh xinh xắn, nằm soi mình bên sóng nước Hồ Tây, chùa Trấn Quốc ngày nay không chỉ là chốn cửa Phật linh thiêng thu hút rất nhiều tín đồ Phật tử đến hành lễ mà còn là một trong những điểm tham quan, du lịch hấp dẫn của thủ đô Hà Nội.



Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu lịch sử – văn hoá thì Trấn Quốc được coi là ngôi chùa cổ bậc nhất đất Hà thành. Tương truyền rằng, chùa được xây dựng vào thời kỳ tiền Lý Nam Đế (544- 548) với tên gọi “Khai Quốc” (nghĩa là mở nước, ứng với sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân). Sau này tên gọi của chùa còn thay đổi nhiều lần như “An Quốc” năm Đại Bảo đời Lê Thánh Tông (1434- 1442), “Trấn Quốc” năm Vĩnh Tộ thứ X (1628); “Trấn Bắc” năm 1844 do vua Thiệu Trị đặt nhân dịp nhà vua ra thăm xứ Bắc và đến ngày nay thì người dân Hà Nội vẫn gọi chùa là chùa Trấn Quốc.

Buổi đầu khởi dựng, ngôi chùa nằm ngay bên dòng Nhị hà, phía Bắc thành xưa, thuộc địa phận xã An Hoa, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên. Rồi vào năm Hoàng Định thứ VI (1615) bờ sông bị sụt lở, nhân dân đã dời chùa tới làng Yên Phụ. Chùa tọa lạc trên một hòn đảo nhỏ có tên “Kim Ngự” (tức cá vàng), bốn bề được bao bọc bởi sóng nước Hồ Tây. Do vậy, thời xưa muốn đi vãng cảnh chùa hay đi lễ Phật, du khách và mọi người dân đều phải dùng thuyền để đi lại. Mãi đến năm 1624, khi đắp đê Cổ Ngự (chính là đường Thanh Niên bây giờ), dân làng Yên Phụ mới làm con đường nhỏ nối liền chùa và đê Cổ Ngự tạo thuận lợi cho việc đi lại tham quan, lễ chùa.

Nổi tiếng linh thiêng lại là danh thắng bậc nhất kinh kỳ, chùa Trấn Quốc xưa thường là nơi các vua chúa ngự giá đến thăm, thưởng ngoạn, vãng cảnh và cúng lễ vào những ngày rằm, lễ Tết. Đặc biệt, vào đời Lý và đời Trần, nhiều cung điện đã được xây dựng tại đây như cung Thuý Hoa, điện Hàm Nguyên phục vụ cho việc nghỉ ngơi, thư giãn của nhà vua.

Đánh giá cao những giá trị lịch sử, tôn giáo cũng như cảnh quan của ngôi chùa, viện Viễn Đông Bác Cổ đã từng xếp chùa Trấn Quốc là công trình lịch sử thứ 10 trong toàn sứ Đông Dương (theo Nghị định ngày 16/5/1925). Và chùa cũng là một trong mười hai di tích lịch sử, văn hoá được Bộ Văn hoá- Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng đợt đầu tiên.

Hằng năm, vào dịp xuân về, Tết đến và những ngày tuần rằm trong tháng, người dân Hà Nội và cả du khách trong nước, quốc tế tới thủ đô đã không bỏ lỡ cơ hội thăm viếng chùa Trấn Quốc.

Năm cuối đường Cổ Ngự (đường Thanh Niên), trên bán đảo phía Đông Hồ Tây (Yên Phụ, Tây Hồ) với lịch sử 1500 năm chùa Trấn Quốc được coi là chùa có lịch sử lâu đời nhất của Thăng Long - Hà Nội và cũng là một trong những ngôi chùa cổ nhất của Việt Nam.

Chùa được xây từ thời vua Lý Nam Đế (544 – 548) ở bãi bên sông Hồng thuộc phường Yên Hoa (nay là Yên Phụ) với tên là chùa Khai Quốc (mở nước). Sau rất nhiều lần đổi tên nhân dân vẫn quen gọi tên chùa là Trấn Quốc – được đặt vào cuối thế kỷ 17, đời vua Lê Hy Tông.

Cũng giống như hầu hết những ngôi chùa khác trên đất nước Việt Nam, chùa Trấn Quốc có nhiều nếp nhà, nhiều tượng Phật từ thấp đến cao, từ to đến nhỏ, vàng son lấp lánh, hương khói quanh năm.... Chùa có ba nếp nhà chính là tiền đường, nhà thiêu hương và thượng điện nối thành hình chữ Công.

Nhưng kiến trúc lại mang những nét riêng khác rất đặc biệt với quy mô khá rộng. Đến chùa du khách không chỉ lễ Phật cầu kinh mà còn được đắm mình vào không gian của nghệ thuật của thiên nhiên hài hòa, thấy hồn mình tĩnh tại giữa những dấu xưa mang hồn đất Việt ngàn đời.

Nằm giữa những con sóng mênh mang của trời đất hồ Tây đã tạo cho du khách những cảm nhận về sự uy nghi cổ kính của công trình kiến trúc và vẻ đẹp thanh nhã, yên bình của cảnh sắc ven hồ.

Qua con đường cong cong trải bóng hàng dừa cao vút là khu Vườn tháp với nhiều ngôi tháp cổ từ thời Vĩnh Hựu và Cảnh Hưng thế kỷ 18. Đặc biệt là tòa bảo tháp lục độ đài sen có 11 tầng, cao 15 mét, diện tích mặt sàn 10,5 m vuông.

Mỗi tầng tháp gồm 6 ô cửa vòm, có tượng Phật A Di Đà bằng đá quý. Tổng số tượng của tháp là 66 pho và trên đỉnh có 9 tầng đài sen cũng bằng đá quý (cửu phẩm liên hoa). Đứng dưới chân tháp thành tâm chắp tay cầu Phật, làm cho tâm ta như hòa cùng vào trời đất, hồn người chợt lắng lại giữa cái sắc sắc không không hư hư thực thực của một kiếp người.

Từng tiếng chuông chùa ngân nga như làm chìm lấp đi hết những ồn ào của phố phường nhộn nhịp. Từng làn khói trầm hương nghi ngút, phảng phất về thanh tịnh trong cái vô thường. Đi từ nhà nhà thiêu hương và thượng điện tới gác chuông không chỉ làm cho lòng người thanh lọc giữa cõi Phật.

Mà hơn hết trong từng những mái ngói rêu phong cổ kính, trong từng những nét chạm trổ nổi lên trên từng thớ gỗ trong mỗi nếp nhà bình yên, trong từng nét chữ xưa trên bia đá ta nghe như lắng đọng dư vị của thời gian mang hồn xưa của đất Thăng Long nghìn năm văn hiến có nét uy nghi mà vẫn rất đời giản dị, khiêm nhường.

Chiều Trán Quốc, giữa cái bình lặng của trời nước, ráng chiều đỏ đỏ nhuốm trên mặt nước, phảng phất vị đời hòa theo từng nhịp chuông chùa đều đều mang theo những nét xưa cổ kính lòng người như được rửa đi một phần thể tục thanh lọc trong cái yên bình giữa thỉnh không.





